

Số: 1871 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình  
Dự án xây dựng điểm Định canh định cư tập trung xóm Bà Nót,  
thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 1871
ĐẾN	Ngày: 10/10/16
	Chuyên: CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 15/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung xóm Bà Nót, thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số từ nguồn ngân sách Trung ương;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 398/TTr-BDT ngày 01/9/2016 về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung xóm Bà Nót, thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây; của Giám đốc Sở Xây dựng

tại Công văn số 2202/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung xóm Bà Nót, thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung xóm Bà Nót, thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung xóm Bà Nót, thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây.

2. Tên chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Miền Trung và Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Miền Trung.

4. Chủ nhiệm lập BCKT-KT: KS. Phạm Đăng Nhân.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Phấn đấu đến năm 2016 cơ bản hoàn thành điểm định canh, định cư tập trung xóm Bà Nót, thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây có đủ các công trình hạ tầng thiết yếu, nhà ở, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, đảm bảo 28 hộ đồng bào dân tộc trên địa bàn xã còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

6. Nội dung và quy mô đầu tư đầu tư xây dựng:

6.1. Đường giao thông:

- Loại đường (Theo TCVN 10380:2014):

+ Đường giao thông ngoại vùng: Đường Giao thông nông thôn loại B;

+ Đường giao thông nội vùng: Đường Giao thông nông thôn loại C.

- Chiều dài tuyến:

+ Đường giao thông ngoại vùng: L=454,9m.

+ Đường giao thông nội vùng: L = 573,1m.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Đường giao thông ngoại vùng: Bề rộng nền đường 5,0m, bề rộng mặt đường 3,5m, bề rộng lề đường 0,75mx2;

+ Đường giao thông nội vùng: Bề rộng nền đường 4m, bề rộng mặt đường 3m, bề rộng lề đường 0,5mx2;

- Độ dốc dọc lớn nhất  $I_{max}=6,71\%$ , dốc ngang mặt đường  $I_m=2\%$ , lề đường  $I_l=4\%$ .

6.2. Cấp điện: Đường dây 0,23kV xây dựng mới: 708mét;

6.3. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền: San nền toàn bộ khu đất, tổng diện tích san nền khoảng 15.967m<sup>2</sup>, tổng khối lượng đất đắp san nền 5.037,61m<sup>3</sup>, tổng khối lượng đất đào san nền 8.145,25m<sup>3</sup>, tận dụng đất đào để đắp.

b) Thoát nước dọc: Thiết kế mương hộp bê rộng B300, tổng chiều dài 558,6m.

c) Gia cố mái taluy: Gia cố mái taluy xung quanh khu đất, tổng diện tích mái khoảng 1.437,6m<sup>2</sup>.

d) Hệ thống cấp nước:

- Đường ống từ bể xử lý đến khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D75 dài 691,7m (trong đó đoạn ống thép tráng kẽm D67 dài 77,5m).

- Đường ống cấp nước trong mặt bằng khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D63 dài 74m, ống nhựa HDPE D40 dài 110m và ống nhựa HDPE D34 dài 327,5m.

- Bể chứa nước sạch cho từng hộ dân cư sử dụng là 30 bể.

đ) Cọc phân lô: có 48 cọc phân lô đôi và 29 cọc phân lô đơn.

7. Địa điểm xây dựng: xóm Bà Nót, thôn Mang Trây, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây.

8. Diện tích khu đất: khoảng 19.543m<sup>2</sup>.

9. Phương án xây dựng:

a) Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng nêu trong thuyết minh thiết kế: TCVN 4447:2012; TCVN 2737:1995; TCVN 5574:2012; TCVN 4054-2005; TCVN 10380:2014;

b) Giải pháp thiết kế:

b.1) Đường giao thông:

- Bình đồ và trắc dọc tuyến được thiết kế qua các điểm khống chế cao trình như các điểm giao cắt với điểm đầu tuyến, cuối tuyến và đường dân sinh, thiết kế đường đỏ theo nguyên tắc khối lượng đào đắp là nhỏ nhất.

- Nền, mặt đường:

+ Nền đường: Đối với nền đào, đào khuôn và lu lèn  $K \geq 0,98$ ; đối với nền đắp, đắp từng lớp bằng đất đồi và lu lèn  $K \geq 0,95$  sau khi bóc hữu cơ, riêng 30cm trên cùng lu lèn  $K \geq 0,98$ .

+ Mặt đường: Đối với tuyến đường ngoại vùng: Mặt đường bê tông xi măng với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp mặt đường BTXM M250 dày 18 cm; lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm; móng đá dăm loại 1 dày 12cm; Đối với tuyến đường nội vùng: Mặt đường bê tông xi măng với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp mặt đường BTXM M250 dày 16 cm; lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm; móng đá dăm loại 1 dày 10cm.

- Thoát nước ngang:

+ Thiết kế 01 cống tròn D150, 01 cống tròn 2D150 và 01 cống tròn 2D100 bằng BTCT; móng đầu cống, tường đầu, chân khay, sân cống bằng BT M150; móng thân cống bằng bê tông đá M150.

+ Tải trọng thiết kế H30 - XB80.

- Nút giao thông: Nút giao thông trên tuyến được thiết kế giản đơn với nút giao thông cùng mức, được bố trí đảm bảo tầm nhìn êm thuận, an toàn khi xe chạy và thoát nước tốt, kết cấu theo kết cấu của tuyến đường chính.

- Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

- Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động: Có thiết kế giải pháp bảo vệ môi trường trên các tuyến, thiết kế phòng chống cháy nổ và an toàn lao động trong thi công đảm bảo yêu cầu.

b.2) Cấp điện:

- Kết cấu đường dây 0,23kV: Được thiết kế theo tiêu chuẩn cấp điện áp 0,4kV, kết cấu 2 pha 3 dây, đi trên không.

- Dây dẫn và phụ kiện:

+ Dây dẫn: Dùng cáp vặn xoắn bọc cách điện hạ áp, ký hiệu: LV ABC A3x50mm<sup>2</sup>-0,4/1kV.

+ Phụ kiện: Các phụ kiện phù hợp cho dây nhôm bọc hạ áp cáp vặn xoắn.

- Xây dựng đường dây:

+ Sơ đồ cột: Dùng sơ đồ cột đỡ thẳng cho các vị trí đỡ thẳng. Sơ đồ cột đơn hãm góc cho các vị trí có khoảng hãm ngắn. Sơ đồ cột đôi cho các vị trí hãm cuối, hãm rẽ nhánh, hãm góc với khoảng hãm dài;

+ Cột XDM dùng bê tông ly tâm thường đúc sẵn, ký hiệu: BTLT-8.4A, BTLT-8.4C; BTLT-10.5A, BTLT-10.5C;

+ Móng cột XDM: Chọn móng khối bê tông cốt thép đúc tại chỗ, ký hiệu MT-1, MTĐ-1, MT-2, MTĐ-2.

+ Móng néo XDM: Chọn móng khối bê tông cốt thép đúc tại chỗ, ký hiệu MN12-4.

+ Dây néo dùng loại dây thép mạ kẽm, vặn xoắn ký hiệu TK35-8.4, TK35-10.5.

+ Tất cả cổ dề, tiếp địa và các chi tiết bằng thép gia công bằng thép hình đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ  $\geq 0,08\text{mm}$ .

- Các biện pháp bảo vệ:

+ Tại các vị trí cuối, rẽ nhánh và dọc theo chiều dài tuyến khoảng từ 200-250m cần nối đất lặp lại.

+ Tiếp địa đường dây dùng kiểu hình tia kết hợp giữa cọc và thanh, loại LR-6 như sau : Dùng cọc bằng thép hình 63x63x6 dài 2m mạ kẽm nhúng nóng làm các cọc nối đất, được đóng sâu dưới mặt đất 0,8 mét. Thanh liên kết giữa

các cọc bằng thép Ø10 mạ kẽm nhúng nóng. Liên kết giữa cọc và thanh bằng liên kết hàn điện. Các mối hàn được sơn chống rỉ.

+ Điện trở nối đất yêu cầu phải đạt  $R_{nd} \leq 30\Omega$ , theo Qui phạm trang bị điện, nếu không đạt trị số trên thì phải đóng bổ sung.

b.3) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật

- San nền: Tận dụng khối lượng đất đào để đắp, hệ số đầm nén đất đắp  $K=0,9$ .

- Thoát nước dọc: Thiết kế mương hộp bê rộng B300 đáy đan BTCT dày 150mm, bê tông mương đá 1x2 mác 200, đan đáy thiết kế bê tông đá 1x2 mác 250.

- Gia cố mái taluy: Gia cố mái taluy xung quanh khu đất, mái taluy bê tông đá 1x2 mác 150, chân khay bê tông đá 4x6 mác 150, độ dốc mái taluy 1/1,5.

- Hệ thống cấp nước:

+ Nguồn cấp nước cho khu dân cư được lấy từ bể xử lý hiện có.

+ Đường ống từ bể xử lý đến khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D75 dài 691,7m (trong đó đoạn ống thép tráng kẽm D67 dài 77,5m).

+ Đường ống cấp nước trong mặt bằng khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D63 dài 74m, ống nhựa HDPE D40 dài 110m và ống nhựa HDPE D34 dài 327,5m.

+ Bể chứa nước sạch cho từng hộ dân cư sử dụng bê tông cốt thép mác 200, mỗi bể có 02 vòi lấy nước. Tổng số bể chứa nước là 30 bể.

- Cọc phân lô: Cọc phân lô BTCT đá 1x2 mác 200, có 48 cọc phân lô đôi và 29 cọc phân lô đơn.

10. Loại và cấp công trình:

Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

11. Tổng mức đầu tư: **8.858.050.000** đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng, trong đó:*

- Chi phí xây dựng: 5.745.210.000 đồng
- Chi phí Quản lý dự án: 118.244.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư XD: 567.035.000 đồng
- Chi phí khác: 436.225.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB: 1.648.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 343.336.000 đồng

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án 33 quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, giao chủ đầu tư:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của

pháp luật về đầu tư xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của công trình trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2202/SXD-KTKHDXD&HT ngày 26/9/2016.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này điều chỉnh và thay thế một số nội dung tại Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Riêng nội dung tại Tiết a.1 Điểm a Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2313/QĐ-UBND vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Ủy Ban Dân tộc (b/cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT(KT) UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NC), TH, CBTH;
- Lưu: VT, pKT(Lesang254).



**Trần Ngọc Căng**